

Bản án số: 54/2025/HS-ST
Ngày 28 tháng 02 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Kim Liên.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bắc Hải, bà Bùi Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Khương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Lò Văn T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 06 tháng 9 năm 1985 tại huyện S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản P, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn T1, sinh năm: 1954 và con bà Lò Thị N, sinh năm: 1953; có vợ là Lò Thị A, sinh năm: 1985 và có 03 con (con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007); tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Ngày 15/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La ra Quyết định số 89/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 20/9/2018; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2024 đến nay. Có mặt.

2. Lò Văn D, tên gọi khác: Không, sinh ngày 29 tháng 5 năm 1989 tại huyện S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản Đ, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn T2, sinh năm: 1964 và con bà Lò Thị C, sinh năm: 1966; có vợ là Lương Thị H, sinh năm: 1984 và có 03 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 01/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện

Sông Mã, tỉnh Sơn La xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, xử phạt 30 tháng tù giam tại Bản án số 85/2013/HSST (đã được xoá án tích); bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2024 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T:* Ông Lương Duy T3 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh S. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn D:* Ông Điều Chính T4 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Lò Văn T5, sinh năm: 2007; nơi cư trú: Bản P, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 26/8/2024, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an tỉnh S phối hợp với các lực lượng chức năng làm nhiệm vụ tại khu vực bản N, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La phát hiện bắt quả tang Lò Văn T, sinh năm 1985, trú tại bản Pàn, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói nilon (bên trong có 01 túi nilon màu trắng có chứa cục bột màu trắng nghi là H1; 01 túi nilon màu xanh bên trong có chứa 197 viên nén màu hồng, trên bề mặt đều có ký hiệu WY, nghi là ma túy tổng hợp); 01 điện thoại di động; 01 xe máy hiệu Honda Wave có BKS 26C1-33.156; 01 cân điện tử màu đen; số tiền 500.000đ (trong đó 01 tờ mệnh giá 200.000đ và 03 tờ mệnh giá 100.000 đồng).

Ngày 27/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh S đã thành lập Hội đồng bóc, mở niêm phong, xác định khối lượng và lấy mẫu trưng cầu giám định, kết quả: 01 cục bột màu trắng nghi Heroine có khối lượng 23,99 gam trích lấy 0,65 gam gửi giám định, xác định chất ma túy, ký hiệu T1; còn lại 23,34 gam ký hiệu T2 lưu kho vật chứng; 197 viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp có tổng khối lượng là 19,15 gam, trích lấy 5 viên có khối lượng 0,48 gam gửi giám định ký hiệu T3, còn lại 192 viên có khối lượng 18,67 gam ký hiệu T4 để lưu kho vật chứng.

Tại Bản kết luận giám định số 1656 ngày 29/8/2024 của Phòng K - Công an tỉnh S, kết luận:

“Mẫu gửi giám định ký hiệu T1 là ma túy, loại Heroine; khối lượng mẫu gửi giám định là 0,65 gam.

Mẫu ký hiệu T3 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu gửi giám định là 0,48 gam.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 23,99 gam, loại Heroine và 19,15 gam loại Methamphetamine,”

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận:

Tối ngày 20/8/2024 Lò Văn T, trú tại: Bản P, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La đi lên bản T, xã C, huyện S hỏi mua được của một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết (khoảng 45 tuổi) 01 gói ma túy gồm H2 phiến và H1 với giá 2.000.000đ và cất vào túi mang về nhà. Khoảng 14 giờ ngày 23/8/2024, Lò Văn D trú cùng bản với T đi đến bản Co Dâu, xã N, huyện S thì có một người đàn ông (D không biết họ và tên) tự giới thiệu nhà ở T, làm nghề lái máy xúc ở xã C, huyện T, tỉnh Sơn La hỏi D có ma túy bán không, D bảo có, sau đó hai người cho nhau số điện thoại để liên lạc. Đến khoảng 07 giờ ngày 26/8/2024, người đàn ông gọi điện cho D hỏi mua 10.000.000 đồng ma túy (gồm H3 và Hồng phiến). D hẹn người đàn ông đến ngôi nhà hoang ở ngã ba P, thuộc bản Đưa Pàn, xã N, huyện S để trao đổi mua bán ma túy. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày người đàn ông đến điểm hẹn, D gọi điện cho Lò Văn T (D và T có quen biết nhau) hỏi mua 10.000.000 đồng ma túy, T nói ma túy không còn đủ 10.000.000 đồng. D hẹn T mang toàn bộ số ma túy Tom có ra ngôi nhà hoang để khách mua xem và bán cho khách. Khi gặp nhau, T bảo D và người đàn ông mua ma túy lên rừng ma cách đó khoảng 20m để nói chuyện, đến rừng ma T và người đàn ông mua ma túy nói chuyện, D đứng gần đó thấy T lấy trong túi ra quần bên phải ra một gói nilon màu xanh bên trong chứa ma túy đưa cho người đàn ông xem, người đàn ông mua ma túy xem xong thì trả gói ma túy cho T và nói không mang tiền. Sau đó, người đàn ông mua ma túy nói đi xuống dưới lấy tiền, khoảng 05 phút sau T bảo D gọi điện hỏi xem hai người đàn ông kia có mua ma túy không. D gọi điện cho người đàn ông hỏi thì người đàn ông đó nói không đủ tiền và nói mua 2.000.000 đồng ma túy (1.000.000đ Heroine và 1.000.000đ Hồng phiến). D nói lại với T thì T nói 1.000.000đ Heroine được 4 phân và 1.000.000đ Hồng phiến thì được 20 viên. Tom đưa túi và cân điện tử cho D để D chia H2 phiến và H4 rồi gói vào túi nilon. Sau đó, D xuống ngôi nhà hoang đưa ma túy cho hai người đàn ông và lấy 2.000.000đ từ người đàn ông mua ma túy còn T đứng trước cửa ngôi nhà hoang chờ. Sau khi mua bán xong, D gọi bảo T “anh ơi về thôi”, sau đó đi xuống đường để về còn T đi xe máy xuống đường chờ D thì bị Tổ công tác bắt giữ. D nhìn thấy T bị tổ công tác bắt giữ thì liền bỏ chạy theo hướng đường về nhà D. Đến ngày 24/10/2024, D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh S đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Văn D.

* Tại Cáo trạng số 14/Ctr-VKS-P1 ngày 20/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Lò Văn T và Lò Văn D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố, các bị cáo không khai báo gì thêm.

* Tranh luận tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên Quyết định truy

tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 15 năm 6 tháng tù đến 16 năm 6 tháng tù.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn D từ 15 năm 6 tháng tù đến 16 năm 6 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau khi trích mẫu gửi giám định cùng các vỏ niêm phong ban đầu.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động thu giữ của Lò Văn T và 01 cân điện tử.

Trả lại cho anh Lò Văn T5: 01 xe máy hiệu Honda Wave có BKS 26C1-33.156.

Trả lại cho bị cáo Lò Văn T: 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)

Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định.

- Ý kiến bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T: Nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm, bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo từ 14 năm đến 15 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Ý kiến bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Lò Văn D: Nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo từ 15 năm đến 15 năm 6 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn T5: Anh là con

traí của bị cáo Lò Văn T, chiếc xe máy BKS 26C1-33.156 bị cáo T bị thu giữ là tài sản hợp pháp của anh. Việc bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội anh không biết. Anh đề nghị được xin lại chiếc xe làm phương tiện đi lại.

Các bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận bổ sung, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn D khai nhận: Ngày 26/8/2024, bị cáo Lò Văn T và Lò Văn D đã thực hiện hành vi bán trái phép 23,99 gam Heroin và 19,15 gam Methamphetamine (tổng khối lượng ma túy là 43,14gam) cho một người đàn ông không quen biết tại ngôi nhà hoang ở ngã ba P, thuộc địa phận bản Đứa Pàn, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La để lấy số tiền 2.000.000đ đồng thì bị Tổ công tác Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh S phát hiện và bắt giữ được Lò Văn T còn D bỏ chạy thoát, đến ngày 24/10/2024 D bị cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh S, bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 16 giờ 30 phút ngày 26/8/2024 đối với Lò Văn T cùng vật chứng thu giữ.

- Biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp hồi 17 giờ 00 phút ngày 25/10/2024 tại bản Ủy ban nhân dân phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La đối với Lò Văn D.

- Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng hồi 00 giờ 30 phút ngày 27/8/2024 tại Phòng PC09 (Phòng K) - Công an tỉnh S.

- Kết luận giám định số 1656 ngày 29/8/2024 của Phòng K - Công an tỉnh

S, kết luận:

“Mẫu gửi giám định ký hiệu T1 là ma túy, loại Heroine; khối lượng mẫu gửi giám định là 0,65 gam.

Mẫu ký hiệu T3 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu gửi giám định là 0,48 gam.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 23,99 gam, loại Heroine và 19,15 gam loại Methamphetamine,”

- Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người chứng kiến sự việc cơ quan chức năng bắt quả tang đối với Lò Văn T và các chứng cứ khác đã thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ chứng minh nêu trên, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Về khung hình phạt áp dụng:

Các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn D đã thực hiện mua bán trái phép 23,99 gam ma túy, loại Heroien và 19,15 gam, loại Methamphetamine (tổng khối lượng ma túy là 43,14gam), đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt *“Có 01 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”*, quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là phạt tù, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có điều kiện thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Bị cáo Lò Văn T: Ngày 15/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La ra Quyết định số 89/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 20/9/2018.

Bị cáo Lò Văn D: Ngày 01/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, xử phạt 30 tháng tù giam tại Bản án số 85/2013/HSST (đã được xoá án tích).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lò Văn T đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra khai ra Lò Văn Dũng cùng tham gia việc mua bán trái phép chất ma túy nên được áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo D là người liên hệ với người mua ma túy và nhận tiền bán ma túy, bị cáo T là người cung cấp ma túy. Các bị cáo cùng nhau cân chia ma túy để bán. Do đó các bị cáo có vai trò ngang nhau khi thực hiện hành vi phạm tội. Cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp, đảm bảo được tính răn đe và phòng ngừa chung. Xét mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, phù hợp.

[7] Về nguồn gốc số ma túy và các đối tượng liên quan trong vụ án:

Nguồn gốc số ma túy 23,99 gam Heroine và 19,15 gam Methamphetamine (tổng 43,14 gam) Lò Văn T khai mua của một người đàn ông dân tộc Mông, khoảng 45 tuổi (không biết tên và địa chỉ) bán ma túy cho T tại khu vực đường dân sinh của bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Do đó không có đủ căn cứ để xác minh điều tra.

Đối với hai người khách mua ma túy của Lò Văn D và Lò Văn T, các bị cáo khai nhận không còn nhớ số điện thoại, không biết họ tên, địa chỉ ở đâu. Ngoài lời khai của các bị cáo không còn nguồn tài liệu chứng cứ nào khác để xác minh điều tra.

Đối với Lò Văn T5, sinh năm 2007, trú tại: Bản P, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Quá trình điều tra xác định Lò Văn T5 là chủ sở hữu chiếc xe máy BKS: Honda Wave, màu xanh đen. BKS: 26C1-33156, số khung RLHJA392XNY510713, số máy JA39E-2972498 mà Lò Văn T sử dụng làm

phương tiện phạm tội về ma túy. Lò Văn T5 không biết và không tham gia vào việc phạm tội về ma túy của Lò Văn T. Do đó không đề nghị xử lý.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án và tài sản liên quan:

Đối với 23,34 gam Heroine và 18,67 gam Methamphetamine còn lại sau khi trích mẫu gửi giám định thu giữ của các bị cáo là vật Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy cùng 01 túi nilon màu trắng + vỏ gói nilon màu xanh ban đầu và vỏ túi nilon màu trắng ban đầu + vỏ phong bì niêm phong vật chứng, 01 chiếc cân điện tử màu đen nhãn hiệu Pocketscale khi bắt quả tang là vật chứng không có giá trị sử dụng.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu xanh đen thu giữ của bị cáo Lò Văn T, xét thấy bị cáo sử dụng để liên lạc với bị cáo D thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Hondax Wave, màu sơn: Xanh đen, mang BKS 26C1-331.56, thu giữ của Lò Văn T6, xét thấy vật chứng thu giữ trên là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Lò Văn T5 (con trai bị cáo T6), trong quá trình điều tra xác minh anh T5 không biết T6 sử dụng xe vào việc phạm tội. Do đó, cần trả lại cho anh Lò Văn T5 quản lý, sử dụng.

Đối với 04 tờ tiền gồm một tờ 200.000đ và ba tờ 100.000đ tổng là 500.000đ, thu giữ của bị cáo Lò Văn T, xét thấy là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó, cần trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 2.000.000đ là số tiền thu lợi từ việc bán ma túy mà có, bị cáo Lò Văn D khai nhận đã sử dụng hết số tiền từ việc bán ma túy. Do đó, cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền trên đối với bị cáo Lò Văn D.

[10] Về án phí: Các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn D là dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T: 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 26/8/2024.

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lò Văn D phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lò Văn D: 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 25/10/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Xử lý vật chứng theo Biên bản giao nhận vận chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S và Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La ngày 13 tháng 01 năm 2025, như sau:

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 chiếc phong bì còn nguyên niêm phong, bên trong chứa: 23,34 gam Heroine và 18,67 gam Methamphetamine + 01 túi nilon màu trắng + vỏ gói nilon màu xanh ban đầu và vỏ túi nilon màu trắng ban đầu + vỏ phong bì niêm phong vật chứng khi bắt quả tang.

- 01 chiếc cân điện tử màu đen nhãn hiệu Pocketscale.

2.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo vỏ màu xanh đen, loại màn hình cảm ứng, bên trong gắn kèm 02 sim, đã qua sử dụng (thu giữ của Lò Văn T).

2.3. Trả lại cho bị cáo Lò Văn T: Số tiền 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng) trong 01 chiếc phong bì còn nguyên niêm phong.

2.4. Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn T5:

01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn: màu xanh đen, biển kiểm soát: 26C1 - 331.56, số khung: RLHJA392XNY510713, số máy: JA39E -2972498, phần đầu xe cạnh xi nhan bên phải bị vỡ, xe đã qua sử dụng.

2.5. Truy thu đối với bị cáo Lò Văn D số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn T và Lò Văn D.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/02/2025)./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Người có quyền lợi NVLQ;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Điều Thị Kim Liên

